

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

CÔNG TY CP ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ : Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đồng, An Dương, Hải Phòng

Mã số thuế : 0200168458

Mã chứng khoán : TSB

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2024



Nơi gửi:

Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng

NỘI DUNG

	Trang
1 . Nội dung	1
2 . Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3 . Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	4 - 5
4 . Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý II năm 2024	6
5 . Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý II năm 2024	7
6 . Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý II năm 2024	8 - 23

Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 54/2004/QĐ-BCN ngày 22 tháng 06 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp về việc chuyển Công ty Ác quy Tia Sáng thành Công ty Cổ phần Ác quy Tia Sáng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200168458, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24 tháng 03 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)
Ông Đào Hữu Duy Anh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)
Ông Phùng Trọng Tú	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)
Bà Phạm Thị Thu Hà	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)
Ông Lương Văn Tuyển	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2024)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phùng Trọng Trú	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)
Ông Lương Văn Tuyển	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)
Ông Đoàn Văn Quang	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Phùng Trọng Tú (Giám đốc)

Các thành viên Ban Kiểm soát toán bao gồm:

Bà Hoàng Thúy Hà	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)
Ông Nguyễn Đình Trung	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)
Bà Vũ Thu Hiền	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 09 tháng 03 năm 2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ quý II năm 2024 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Phùng Trọng Tú

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104.084.487.555	85.810.415.919
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	III.1	7.996.172.377	1.465.651.091
1. Tiền	111		2.496.172.377	1.465.651.091
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.500.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	III.2	29.000.000.000	19.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		29.000.000.000	19.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.431.392.015	12.521.691.989
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	III.3	20.338.155.873	16.962.807.741
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		159.754.102	82.416.090
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	III.4	847.750.269	410.501.992
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.914.268.229)	(4.934.033.834)
IV. Hàng tồn kho	140	III.6	49.653.805.594	49.470.313.756
1. Hàng tồn kho	141		49.855.613.131	49.682.782.589
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(201.807.537)	(212.468.833)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.003.117.569	3.352.759.083
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	III.9a	14.248.156	74.942.054
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		988.869.413	2.972.117.929
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	III.14	-	305.699.100
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.633.858.273	23.108.651.453
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	III.4	8.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		20.693.141.194	22.352.776.778
1. Tài sản cố định hữu hình	221	III.8	19.693.141.194	21.352.776.778
- Nguyên giá	222		145.087.136.060	144.266.681.426
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(125.393.994.866)	(122.913.904.648)
2. Tài sản cố định vô hình	227	III.10	1.000.000.000	1.000.000.000
- Nguyên giá	228		1.000.000.000	1.000.000.000
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		310.642.251	317.219.774
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	III.7	310.642.251	317.219.774
IV. Tài sản dài hạn khác	260		622.074.828	438.654.901
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	III.9b	622.074.828	438.654.901
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		125.718.345.828	108.919.067.372

CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		45.836.992.840	29.552.246.439
I. Nợ ngắn hạn	310		45.651.800.435	29.381.314.003
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	III.11	9.032.564.199	3.268.280.979
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		551.695.280	3.488.060.782
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	III.14	1.217.444.023	1.092.459.762
4. Phải trả người lao động	314		1.748.770.085	5.033.083.392
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	III.12a	66.935.237	284.105.681
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	III.15a	308.383.062	426.024.659
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	III.13	32.293.173.474	15.083.114.871
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		432.835.075	706.183.877
II. Nợ dài hạn	330		185.192.405	170.932.436
1. Phải trả dài hạn khác	337	III.15b	185.192.405	170.932.436
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		79.881.352.988	79.366.820.933
I. Vốn chủ sở hữu	410	III.16	79.881.352.988	79.366.820.933
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		67.454.800.000	67.454.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		67.454.800.000	67.454.800.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.738.382.855	7.525.722.200
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.688.170.133	4.386.298.733
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		-	154.786.746
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.688.170.133	4.231.511.987
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		125.718.345.828	108.919.067.372

Người lập biểu

Bùi Thị Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hòa

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2024

Giám đốc



Phùng Trọng Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	47.988.827.849	46.715.663.602	99.752.647.735	88.206.921.122
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	1.517.088.597	567.552.065	2.570.251.671	996.879.358
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	46.471.739.252	46.148.111.537	97.182.396.064	87.210.041.764
4. Giá vốn hàng bán	11	21	39.815.412.781	39.744.268.492	81.716.238.955	75.852.652.995
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.656.326.471	6.403.843.045	15.466.157.109	11.357.388.769
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	490.235.283	336.287.916	900.592.815	420.921.887
7. Chi phí tài chính	22	23	374.653.738	64.118.272	531.742.278	170.824.411
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		169.526.064	51.273.667	322.138.774	157.979.806
8. Chi phí bán hàng	25	26a	3.220.808.864	3.709.933.578	6.862.941.335	6.201.444.450
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26b	1.435.445.205	1.730.653.282	3.070.384.708	3.202.900.603
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.115.653.947	1.235.425.829	5.901.681.603	2.203.141.192
11. Thu nhập khác	31	24	360.000	960.000	720.000	1.920.000
12. Chi phí khác	32	25	-	166.399	56.812	166.399
13. Lợi nhuận khác	40		360.000	793.601	663.188	1.753.601
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.116.013.947	1.236.219.430	5.902.344.791	2.204.894.793
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	456.897.127	247.277.166	1.214.174.658	441.012.239
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.659.116.820	988.942.264	4.688.170.133	1.763.882.554
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		246	147	695	261

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu

Bùi Thị Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hòa



CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)**Quý II năm 2024*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.902.344.791	2.204.894.793
2. Điều chỉnh cho các khoản			2.365.903.305	3.030.226.333
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.480.090.218	2.791.495.348
- Các khoản dự phòng	03		(30.426.901)	98.181.545
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		168.471.687	12.844.605
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(574.370.473)	(30.274.971)
- Chi phí lãi vay	06		322.138.774	157.979.806
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.268.248.096	5.235.121.126
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.293.345.458)	1.451.564.540
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(172.830.542)	8.386.288.583
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(780.148.069)	(3.080.910.028)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(122.726.029)	(370.092.681)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(320.175.801)	(172.227.275)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.087.952.962)	(281.580.130)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(696.500.000)	(898.011.433)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.794.569.235	10.270.152.702
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(813.877.111)	(82.417.909)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		89.769.097	30.274.971
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.724.108.014)	(52.142.938)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		53.968.945.079	23.223.873.308
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(36.758.886.476)	(26.927.668.004)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(1.478.148.518)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.750.486.880)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13.459.571.723	(5.181.943.214)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.530.032.944	5.036.066.550
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.465.651.091	1.186.267.692
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		488.342	4.920.467
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	III.1	7.996.172.377	6.227.254.709

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu

Bùi Thị Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thòa

Giám đốc



Phùng Trọng Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý II năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ắc quy Tia sáng được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 54/2004/QĐ-BCN ngày 22/06/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Ắc quy Tia sáng thành Công ty Cổ phần Ắc quy Tia sáng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200168458 (mã số cũ: 02030001032), đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04 tháng 04 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 67.454.800.000VNĐ, được chia thành 6.745.480 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VNĐ, không có cổ phần ưu đãi. Trong đó Tập đoàn Hoá chất Đức Giang sở hữu 3.440.252 cổ phần tương đương 34.402.520.000VNĐ, chiếm 51% vốn điều lệ.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất ắc quy các loại

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất pin và ắc quy. Chi tiết: sản xuất, sửa chữa các loại ắc quy;
- Bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn nguyên liệu; vật tư sản xuất ắc quy; Bán buôn phụ tùng ắc quy.

Cấu trúc doanh nghiệp

* Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Chi nhánh Hà Nội	Số 18/44 Đức Giang, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, TP. Hà Nội
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 800 Nguyễn Lương Bằng, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Số 63 Đường S11, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

* Số lao động: Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có 154 lao động.

II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán kỳ này: Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng đến một năm và được ghi nhận theo giá gốc.

8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Các tài sản khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài không khấu hao	

9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

19. Chi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do tỷ giá hối đoái của nghiệp vụ phát sinh có liên quan đến ngoại tệ

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty là Công ty CP tập đoàn Hoá chất Đức Giang với tư cách là Công ty mẹ, các công ty con, Công ty liên kết do Công ty mẹ đầu tư và chi phối hoặc có ảnh hưởng đáng kể, các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Tiền mặt	243.582.085	162.171.232
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.252.590.292	1.303.479.859
- Các khoản tương đương tiền	5.500.000.000	-
	<u><u>7.996.172.377</u></u>	<u><u>1.465.651.091</u></u>

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	29.000.000.000	19.000.000.000
- Tiền gửi từ 06 tháng đến 12 tháng	29.000.000.000	19.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-
	<u><u>29.000.000.000</u></u>	<u><u>19.000.000.000</u></u>

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Bên liên quan	31.272.825	100.124.860
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	26.283.225	10.502.140
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	4.989.600	47.072.520
- Công ty CP Phốt pho APATIT Việt Nam	-	42.550.200
Bên khác	20.306.883.048	16.862.682.881
- Bakather General Trading LLC	5.321.019.983	2.808.841.521
- Công Ty Cổ phần BMC Vĩnh Phúc	1.573.452.000	788.324.940
- Công ty trách nhiệm hữu hạn ác quy Tân Toàn	1.150.453.784	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	12.261.957.281	13.265.516.420
	<u><u>20.338.155.873</u></u>	<u><u>16.962.807.741</u></u>

b) Dài hạn**4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phải thu về lãi tiền gửi	602.031.515	117.430.139
Phải thu người lao động	103.029.948	108.037.607
Phải thu về tạm ứng	113.782.890	151.748.598
Ký cược, ký quỹ	12.000.000	12.000.000
Phải thu khác	16.905.916	21.285.648
	<u><u>847.750.269</u></u>	<u><u>410.501.992</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**b) Dài hạn**

Ký cược, ký quỹ

8.000.000

8.000.000-**5. NỢ XẤU VÀ KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Duy Thịnh	838.646.000	-	838.646.000	-
Công ty TNHH DVTM Hồng Hà	482.504.836	-	482.504.836	-
Công ty TNHH Toàn Tâm	455.171.948	-	455.171.948	-
DNTN TM&DV Thiện Ngân	440.000.007	-	440.000.007	-
Công ty TNHH Phong Lâm	431.170.879	-	431.170.879	-
Cửa hàng ắc quy Trường Nhật	399.330.910	-	399.330.910	-
Các đối tượng khác	2.162.096.522	294.652.873	2.191.941.528	304.732.274
	<u>5.208.921.102</u>	<u>294.652.873</u>	<u>5.238.766.108</u>	<u>304.732.274</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	22.551.902.411	-	17.654.138.910	-
Công cụ, dụng cụ	4.383.347.927	-	4.096.933.074	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	15.562.822.092	-
Thành phẩm	19.456.107.374	(201.807.537)	8.832.540.502	(212.468.833)
Hàng hoá	84.529.284	-	156.948.854	-
Hàng gửi đi bán	3.379.726.135	-	3.379.399.157	-
	<u>49.855.613.131</u>	<u>(201.807.537)</u>	<u>49.682.782.589</u>	<u>(212.468.833)</u>

7. TÀI SẢN DỒI DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Mua sắm	-	-
Xây dựng cơ bản	310.642.251	317.219.774
- Xây dựng Nhà trưng bày sản phẩm	310.642.251	317.219.774
Sửa chữa lớn	-	-
	<u>310.642.251</u>	<u>317.219.774</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Trang 15)****9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	14.248.156	68.138.600
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	6.803.454
	<u>14.248.156</u>	<u>74.942.054</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	173.512.008	263.240.982
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	394.034.973	89.563.426
Chi phí trả trước dài hạn khác	54.527.847	85.850.493
	<u>622.074.828</u>	<u>438.654.901</u>

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.000.000.000	1.000.000.000
- Mua trong năm	-	-
- Tặng khác	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-
- Tặng khác	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>
Tại ngày cuối năm	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	24.120.117.569	106.597.326.920	3.992.562.862	452.958.000	9.103.716.075	144.266.681.426
- Đầu tư XDCB hoàn thành	320.454.634	-	-	-	-	320.454.634
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	24.940.572.203	106.597.326.920	3.992.562.862	452.958.000	9.103.716.075	145.087.136.060
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	17.504.567.687	94.623.406.883	3.984.785.106	442.224.194	6.358.920.778	122.913.904.648
- Khấu hao trong năm	420.292.447	1.718.351.855	5.833.338	10.733.806	324.878.772	2.480.090.218
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	17.924.860.134	96.341.758.738	3.990.618.444	452.958.000	6.683.799.550	125.393.994.866
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	6.615.549.882	11.973.920.037	7.777.756	10.733.806	2.744.795.297	21.352.776.778
Tại ngày cuối năm	7.015.712.069	10.255.568.182	1.944.418	-	2.419.916.525	19.693.141.194

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

5.405.270.515
72.748.587.945

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
<i>Bên liên quan</i>	245.689.965	166.154.966
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	186.132.764	55.101.200
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	24.449.212	30.260.657
Công ty TNHH Văn Minh	35.107.989	80.793.109
<i>Bên khác</i>	8.786.874.234	3.102.126.013
Công ty TNHH Kim Loại màu Japan	3.405.107.200	-
Công ty TNHH Kim Vũ Minh	1.973.801.267	296.503.856
Công ty CP Nhựa Cơ khí & XD Thuận Hưng	669.664.800	679.216.320
Các khoản phải trả khác	2.738.300.967	2.126.405.837
	<u>9.032.564.199</u>	<u>3.268.280.979</u>
b) Dài hạn		

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	7.932.037	5.969.064
Chi phí tiền điện trích trước	-	185.544.025
Chi phí thuê VP trích trước	54.000.000	-
Chi phí tư vấn định giá	-	92.592.592
Chi phí khác	5.003.200	-
	<u>66.935.237</u>	<u>284.105.681</u>
b) Dài hạn		

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

(Trang 17)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

(Trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

13 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong năm		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	15.083.114.871	15.083.114.871	53.968.945.079	36.758.886.476	32.293.173.474	32.293.173.474
BIDV	15.083.114.871	15.083.114.871	21.436.906.795	22.996.633.183	13.523.388.483	13.523.388.483
VCB	-	-	32.532.038.284	13.762.253.293	18.769.784.991	18.769.784.991
Cộng vay ngắn hạn	15.083.114.871	15.083.114.871	53.968.945.079	36.758.886.476	32.293.173.474	32.293.173.474

b) Vay dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Dư đầu kỳ		Số phát sinh trong năm		Dư cuối kỳ	
	Phải thu 01/01/2024	Phải nộp 01/01/2024	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu 30/06/2024	Phải nộp 30/06/2024
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	6.889.103.854	6.889.103.854	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	75.815.149	75.815.149	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.087.952.962	1.214.174.658	1.087.952.962	-	1.214.174.658
- Thuế thu nhập cá nhân	-	4.506.800	118.792.533	120.029.968	-	3.269.365
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	305.699.100	-	518.081.282	212.382.182	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	11.244.440	11.244.440	-	-
	305.699.100	1.092.459.762	8.827.211.916	8.396.528.555	-	1.217.444.023

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	185.014.353	195.153.372
Các khoản phải trả, phải nộp khác	123.368.709	230.871.287
- Hỗ trợ bán hàng	22.711.000	34.023.000
- Phí hoa hồng, môi giới	-	80.498.843
- Quỹ từ thiện, an sinh xã hội	72.078.709	87.578.709
- Các khoản phải trả khác	28.579.000	28.770.735
	308.383.062	426.024.659
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	185.192.405	170.932.436
	185.192.405	170.932.436

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	67.454.800.000	7.353.247.291	4.051.799.187	78.859.846.478
Lãi trong năm trước	-	-	4.231.511.987	4.231.511.987
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	172.474.909	(517.424.727)	(344.949.818)
Quỹ đầu tư phát triển	-	172.474.909	(172.474.909)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(344.949.818)	(344.949.818)
Chia cổ tức	-	-	(3.372.740.000)	(3.372.740.000)
Giảm khác	-	-	(6.847.714)	(6.847.714)
Số dư cuối năm trước	67.454.800.000	7.525.722.200	4.386.298.733	79.366.820.933
Số dư đầu năm nay	67.454.800.000	7.525.722.200	4.386.298.733	79.366.820.933
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	4.688.170.133	4.688.170.133
Chia cổ tức	-	-	(3.750.486.880)	(3.750.486.880)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	212.660.655	(212.660.655)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(423.151.198)	(423.151.198)
Số dư cuối kỳ này	67.454.800.000	7.738.382.855	4.688.170.133	79.881.352.988

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	34.402.520.000	51,00%	34.402.520.000	51,00%
Vốn góp của các cổ đông khác	33.052.280.000	49,00%	33.052.280.000	49,00%
	67.454.800.000	100%	67.454.800.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VND	VND
- Vốn góp đầu năm	67.454.800.000	67.454.800.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	67.454.800.000	67.454.800.000

d) Cổ phiếu

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.745.480	6.745.480
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.745.480	6.745.480
- Cổ phiếu phổ thông	6.745.480	6.745.480
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.745.480	6.745.480
- Cổ phiếu phổ thông	6.745.480	6.745.480
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

f) Các quỹ của Công ty

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	7.738.382.855	7.525.722.200
	<u>7.738.382.855</u>	<u>7.525.722.200</u>

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng để sử dụng với mục đích xây dựng nhà làm việc, nhà xưởng sản xuất từ ngày 01/12/1994 đến năm 01/12/2044 với diện tích khu đất thuê là 34.894 m² và tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng để sử dụng mục đích xây dựng cửa hàng giới thiệu sản phẩm từ ngày 15/10/1993 đến ngày 15/10/2043 với diện tích 106 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
- Đô la Mỹ	USD	2.032,98	1.329,58

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>6 tháng 2024</u>	<u>6 tháng 2023</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá	99.752.647.735	88.206.921.122
	<u>99.752.647.735</u>	<u>88.206.921.122</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 29)	264.127.080	209.406.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>6 tháng 2024</u>	<u>Quý II năm 2023</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	2.520.247.671	996.879.358
Hàng bán bị trả lại	50.004.000	-
	<u>2.570.251.671</u>	<u>996.879.358</u>

20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>6 tháng 2024</u>	<u>6 tháng 2023</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	97.182.396.064	87.210.041.764
	<u>97.182.396.064</u>	<u>87.210.041.764</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>6 tháng 2024</u>	<u>6 tháng 2023</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá đã bán	81.726.900.251	75.852.652.995
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.661.296)	-
	<u>81.716.238.955</u>	<u>75.852.652.995</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>6 tháng 2024</u>	<u>6 tháng 2023</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	574.370.473	30.274.971
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	326.222.342	390.646.916
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
	<u>900.592.815</u>	<u>420.921.887</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>6 tháng 2024</u>	<u>6 tháng 2023</u>
	VND	VND
Chi phí lãi tiền vay	322.138.774	157.979.806
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	41.131.817	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	168.471.687	12.844.605
	<u>531.742.278</u>	<u>170.824.411</u>

24. THU NHẬP KHÁC

	<u>6 tháng 2024</u>	<u>6 tháng 2023</u>
	VND	VND
Thu nhập khác	720.000	1.920.000
	<u>720.000</u>	<u>1.920.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**25. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>6 tháng 2024</u>	<u>6 tháng 2023</u>
	VND	VND
Chi phí khác	56.812	166.399
	<u>56.812</u>	<u>166.399</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**a) Chi phí bán hàng chủ yếu bao gồm:**

	<u>6 tháng 2024</u>	<u>6 tháng 2023</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	190.375.316	122.421.313
Chi phí nhân công	2.285.728.526	1.511.630.879
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	137.739.786	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.265.086	56.419.344
Thuế, phí và lệ phí	69.668.501	-
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	629.106.125	529.045.778
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.918.294.261	2.022.240.432
Chi phí khác bằng tiền	1.592.763.734	1.959.686.704
	<u>6.862.941.335</u>	<u>6.201.444.450</u>

b) Các khoản chi phí quản lý chủ yếu bao gồm:

	<u>6 tháng 2024</u>	<u>6 tháng 2023</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.053.909	29.811.129
Chi phí nhân công	1.360.639.758	1.685.709.807
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	13.524.144	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	285.283.840	297.765.036
Thuế, phí và lệ phí	525.504.158	206.799.397
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(19.765.605)	(127.190.395)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	505.698.620	343.312.281
Chi phí khác bằng tiền	355.445.884	766.693.348
	<u>3.070.384.708</u>	<u>3.202.900.603</u>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>6 tháng 2024</u>	<u>6 tháng 2023</u>
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	5.902.344.791	2.204.894.793
Các khoản điều chỉnh tăng	169.016.841	166.399
Các khoản điều chỉnh giảm	(488.342)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	6.070.873.290	2.205.061.193
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	<u>1.214.174.658</u>	<u>441.012.239</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

- Công ty CP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang
- Công ty CP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang - CN Lào Cai
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Đình Vũ
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn
- Công ty TNHH MTV Thê Thao Hóa chất Đức Giang
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đắc Nông
- Công ty CP Phốt pho APatit Việt Nam
- Công ty TNHH MTV Phốt pho 6
- Công ty TNHH Văn Minh

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
- Chi nhánh công ty mẹ
- Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty con của Công ty mẹ
- Bên liên quan của Chủ tịch HĐQT

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	6 tháng 2024	6 tháng 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	264.127.080	209.406.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	69.695.840	27.698.600
- Công ty CP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang - CN Lào Cai	22.736.240	-
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	128.294.000	138.220.400
- Công ty CP Phốt pho APATIT Việt Nam	-	43.487.000
- Công ty TNHH MTV Phốt pho 6	38.682.000	-
- Công ty TNHH MTV Hóa Chất Đức Giang - Đình Vũ	579.000	-
- Công ty TNHH Văn Minh	4.140.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	898.531.087	878.676.936
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	666.698.698	62.404.754
- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	37.832.238	327.221.056
- Công ty TNHH Văn Minh	194.000.151	489.051.126

30. TRÌNH BÀY TÀI SẢN, DOANH THU, KẾT QUẢ KINH DOANH THEO BỘ PHẬN

Do hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh ắc quy và chủ yếu phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

31. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Người lập biểu

Bùi Thị Thảo

Kê toán trưởng

Nguyễn Văn Hòa

Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2024

Giám đốc



Phùng Trọng Tú